

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIỄN CHÂU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:113/2019/QĐST-HNGĐ

Diễn Châu, ngày 26 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIỄN CHÂU, TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 59, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 84/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Trương Thị Thảo Ng, sinh năm 1992.

Trú tại: Xóm 7, xã QH, huyện Q, tỉnh Nghệ An

2. Anh Trần Văn D, sinh năm 1982.

Trú tại: Xóm B, xã DH, huyện D, tỉnh Nghệ An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Thảo Ng và anh Trần Văn D kết hôn với nhau vào ngày 28/12/2011, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã QH, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Như vậy, hôn nhân giữa chị Ng và anh D là hôn nhân hợp pháp.

[2] Về tình trạng hôn nhân: Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống đầm ấm, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù gia đình hai bên nội ngoại đã nhiều lần hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện được mà ngày càng trở nên trầm trọng hơn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 11 năm 2013 cho đến nay, cắt đứt mọi quan hệ. Hòa

giải viên Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện D đã kiên trì hòa giải vợ chồng không thống nhất đoàn tụ mà đều có nguyện vọng được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, thỏa thuận ly hôn của vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, cần căn cứ các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Trương Thị Thảo Ng và anh Trần Văn D.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Thanh T, sinh ngày 11/08/2012. Vợ chồng thống nhất giao con chung cho chị Trương Thị Thảo Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày 01/9/2019 cho đến khi con chung trưởng thành. Không ai cản trở quyền thăm nuôi, chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản chung: vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: vợ chồng thống nhất thỏa thuận chị Ng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Trương Thị Thảo Ng và anh Trần Văn D.
- Về con chung: Giao con chung Trần Thanh T, sinh ngày 11/08/2012 cho chị Trương Thị Thảo Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ ngày 01/9/2019 cho đến khi con chung trưởng thành. Không ai cản trở quyền thăm nuôi, chăm sóc con chung.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Trương Thị Thảo Ng chịu 300.000 đồng Lệ phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An theo biên lai thu số 0004764 ngày 16/8/2019. Chị đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- VKSND huyện D;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện D;
- UBND xã QH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Huyền